

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 05 -2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đàm Thị Thơ

. - Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Ngọc Quang L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, anh L có mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2024 các văn bản tố tụng nguyên đơn là anh Phan Ngọc Quang L trình bày và đề nghị: Anh và Chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 7 năm 2021 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra to tiếng với nhau. mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Chị T đã về nhà mẹ đẻ tại thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Anh sinh sống tại thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Từ khi sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phan Thị Huyền T1, sinh ngày 02/11/2021. Hiện tại cháu đang ở với anh và ông bà nội. Cháu ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị đánh đập bạo hành và được đi học đầy đủ. Anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Thị Huyền T1 và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh kinh doanh hàng ăn uống thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Nguyễn Thị T nhưng chị T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

3. Biên bản xác minh ngày 04/4/2025, đại diện gia đình bà Nguyễn Thị H mẹ chị T cung cấp: Anh Phan Ngọc Quang L và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2021 tại UBND xã Đ, huyện T. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Chị T đi làm nhưng vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại và về nhà. Gia đình đã nhận các văn bản của Tòa án và đã giao cho chị T. Anh L1 và Chị T có 01 con chung là cháu Phan Thị Huyền T1, sinh ngày 02/11/2021. Cháu ngoan ngoãn, khỏe mạnh, không bị đánh đập bạo hành. Cháu đang ở với bố tại thôn T, xã Đ.

Đại diện chính quyền UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cung cấp: Anh Phan Ngọc Quang L và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2021 tại UBND xã Đ, huyện T. Chị T có hộ khẩu tại xã Đ. Chị T đi làm ăn hiện tại không có mặt tại địa phương.

Anh L1 và Chị T có 01 con chung là cháu Phan Thị Huyền T1, sinh ngày 02/11/2021. Cháu ngoan ngoãn, khỏe mạnh, không bị đánh đập bạo hành. Anh L1 và chị T làm nghề tự do, thu nhập bao nhiêu địa phương không nắm được, có sức khỏe có khả năng tạo ra thu nhập, có điều kiện nuôi con.

5. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 LHNGĐ: Xử cho anh Phan Ngọc Quang L được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Về con chung giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Huyền T1, sinh ngày 02/11/2021. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Phần tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Anh Linh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Linh khởi kiện xin ly hôn chị T cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Chị T vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ nhất, chị T vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Phan Ngọc Quang L và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số quyền số 35/2021 ngày 06 tháng 7 năm 2021 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống mà đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, anh L vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến gì đề nghị Tòa án xem xét, cũng không đến Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử cho anh Phan Ngọc Quang L được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phan Thị Huyền T1, sinh ngày 02/11/2021.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của anh L: Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T1 ở với anh L. Cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học, chăm sóc đầy đủ. Anh L1 có nơi ở và thu nhập ổn định, có khả năng và điều kiện nuôi con. Vì vậy, giao cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng Huyền T1; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh L1 không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh Phan Ngọc Quang L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phan Ngọc Quang L được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Phan Thị Huyền T1, sinh ngày 02/11/2021. Giao cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huyền T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh L1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: 0006998 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh L1 đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Đồng Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu